

GIẢI ĐỀ THI THẬT IELTS WRITING TASK 2 NGÀY 12/08/2024

Chúng mình hãy cùng tham khảo bài viết mẫu của giáo viên tại IELTS Target với chủ đề: Governments should invest in teaching science subjects rather than other subjects for country development and progress. To what extent do you agree or disagree?

1. PHÂN TÍCH ĐỀ BÀI

1.1. Đề bài:

Governments should invest in teaching science subjects rather than other subjects for country development and progress. To what extent do you agree or disagree?

(Chính phủ nên ưu tiên đầu tư vào việc giảng dạy các môn khoa học hơn là các môn học khác để thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ của đất nước. Bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào?)

1.2. Phân tích đề bài

Dạng bài: Argumentative Essay

Từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

Allocate - Assign: Phân bổ, phân chia.

Funding - Investment: Đầu tư, tài trợ.

Prosperity - Advancement: Sự thịnh vượng, tiến bộ.

Qualified for - Prepared for: Đủ điều kiện cho, chuẩn bị cho.

High-tech industries - Technological fields: Ngành công nghiệp công nghệ cao, lĩnh vực công nghệ.

Innovations - Inventions: Sự đổi mới, phát minh.

Cutting-edge - State-of-the-art: Hiện đại, tiên tiến.

Global competitiveness - International standing: Khả năng cạnh tranh toàn cầu, vị thế quốc tế.

Nurturing - Developing: Nuôi dưỡng, phát triển.

Well-being - Social welfare: Sự an toàn, phúc lợi xã hội.

Phân tích yêu cầu đề bài:

Đề bài yêu cầu phân tích quan điểm về nhận định “Chính phủ nên ưu tiên đầu tư vào việc giảng dạy các môn khoa học hơn là các môn học khác để thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ của đất nước.” Bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này ở mức độ nào?

Dàn bài chi tiết:

Đoạn 1 thân bài: Nêu lên quan điểm về tầm quan trọng của việc đầu tư vào giảng dạy các môn khoa học.

Đoạn 2 thân bài: Nêu lên tầm quan trọng của việc đầu tư vào cả những môn học khác.

Kết bài: Đưa ra quan điểm của bản thân

2. BÀI MẪU (SAMPLE ANSWER)

There is a debate about whether the government should allocate more funding to science education compared to other subjects. While I acknowledge the critical importance of investing in science education, I contend that such funding should not be the sole priority, as each subject area offers unique benefits that contribute to national development.

On the one hand, investing in science education can significantly advance a country's progress. Firstly, equipping students with a strong foundation in science prepares them for careers in high-tech industries, which are crucial for a nation's development. For instance, Germany has become a leading economy largely due to its advancements in technology and science applied in various sectors. Secondly, funding science education can stimulate innovation, leading to the development of cutting-edge technologies and improving overall quality of life. This, in turn, enhances a country's global competitiveness and economic prosperity.

On the other hand, other subjects also play an essential role and deserve equal attention in terms of funding. For instance, language education is vital for students to navigate and succeed in an increasingly globalized world, facilitating international trade and cross-cultural interactions. Additionally, subjects that focus on moral and social development, such as literature and physical education, are crucial for nurturing well-rounded individuals. These areas contribute to reducing societal issues such as crime, substance abuse, and promote overall social well-being, which is fundamental for sustainable development.

In conclusion, although science education is undoubtedly important and offers significant benefits, I believe that the government should allocate funding across a broad range of subjects to ensure balanced development and a thriving society.

3. TỪ VỰNG NỔI BẬT

Allocate more funding - Phân bổ nhiều hơn

Science education - Giáo dục khoa học

Critical importance - Tầm quan trọng quan trọng

Sole priority - Ưu tiên duy nhất

Unique benefits - Lợi ích độc đáo

Significantly advance - Tiến bộ đáng kể

Strong foundation - Nền tảng vững chắc

High-tech industries - Ngành công nghiệp công nghệ cao

Leading economy - Nền kinh tế hàng đầu

Stimulate innovation - Kích thích sự đổi mới

Cutting-edge technologies - Công nghệ tiên tiến

Global competitiveness - Khả năng cạnh tranh toàn cầu

Moral and social development - Phát triển đạo đức và xã hội

Well-rounded individuals - Những cá nhân toàn diện

Sustainable development - Phát triển bền vững